

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học,

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đại học, học viện, trường đại học; các viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ; các trường cao đẳng, trung cấp được phép đào tạo các ngành đào tạo giáo viên (sau đây gọi chung là các cơ sở giáo dục); các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục tiêu

1. Tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị trường lao động, được quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình trong việc xác định, thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.

2. Thực hiện công khai, minh bạch các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp của cơ sở giáo dục để các cơ quan quản lý nhà nước thanh tra, kiểm tra, xã hội giám sát và người học lựa chọn cơ sở giáo dục dự tuyển.

Điều 3. Ngành, khối ngành đào tạo

1. Ngành đào tạo trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh được xác định bằng ngành quy định trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Khối ngành được xác định bằng tập hợp một hoặc một số lĩnh vực giáo dục, đào tạo cấp II trong Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Việc phân chia khối ngành theo quy định tại Phụ lục số II của Thông tư này.

Điều 4. Giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng

1. Giảng viên cơ hữu trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh được quy định như sau:

a) Giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục công lập là viên chức được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức;

b) Giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục tư thục là người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn 3 năm hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo Bộ luật lao động, không là công chức hoặc viên chức nhà nước, không đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; do nhà trường trả lương và chi trả các khoản khác thuộc chế độ, chính sách đối với người lao động theo các quy định hiện hành.

2. Giảng viên thỉnh giảng trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có ký hợp đồng thỉnh giảng theo quy định về chế độ giảng viên thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục và các quy định hiện hành liên quan khác, được cơ sở giáo dục trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng.

3. Giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng quy đổi trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh là giảng viên có chức danh hoặc trình độ khác nhau của cơ sở giáo dục được quy đổi theo hệ số như sau:

Trình độ	Hệ số giảng viên cơ hữu		Hệ số GV thỉnh giảng
	Cơ sở Giáo dục Đại học	Trường trung cấp, cao đẳng	
- Giảng viên có trình độ đại học	0,3	1,0	0,0
- Giảng viên có trình độ thạc sĩ	1,0	1,5	0,2
- Giảng viên có trình độ tiến sĩ	2,0	2,0	0,4
- Giảng viên có chức danh phó giáo sư	3,0	3,0	0,6
- Giảng viên có chức danh giáo sư	5,0	5,0	1,0

Đối với khối ngành nghệ thuật, giảng viên là nghệ sĩ nhân dân có bằng đại học cùng ngành với ngành tham gia đào tạo được tính tương đương như giảng viên có trình độ tiến sĩ; giảng viên là nghệ sĩ ưu tú có bằng đại học cùng ngành với ngành tham gia đào tạo được tính tương đương như giảng viên có trình độ thạc sĩ.

Điều 5. Số lượng giảng viên quy đổi theo khối ngành

1. Số lượng giảng viên quy đổi theo khối ngành bao gồm: giảng viên cơ hữu quy đổi và giảng viên thỉnh giảng quy đổi của khối ngành đó.

2. Số lượng giảng viên cơ hữu quy đổi theo khối ngành gồm: giảng viên cơ hữu chuyên ngành quy đổi và giảng viên cơ hữu môn chung quy đổi của khối ngành đó. Trong đó, số lượng giảng viên cơ hữu môn chung quy đổi của khối ngành được xác định như sau:

$$\text{Số lượng giảng viên cơ hữu môn chung quy đổi của khối ngành } i = \frac{\text{Tổng số giảng viên cơ hữu môn chung quy đổi của trường} \times \text{Số lượng giảng viên cơ hữu quy đổi của khối ngành } i}{\text{Tổng số giảng viên cơ hữu quy đổi của trường}}$$

3. Số lượng giảng viên thỉnh giảng quy đổi tối đa được xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo khối ngành như sau:

a) Khối ngành I:

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên: không tính để xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

- Đối với các ngành khác: tính tối đa bằng 5% tổng số giảng viên cơ hữu quy đổi;

b) Khối ngành II: tính tối đa bằng 30% tổng giảng viên cơ hữu quy đổi;

c) Các khối ngành khác: tính tối đa bằng 5% tổng số giảng viên cơ hữu quy đổi.

4. Trường hợp số lượng giảng viên thỉnh giảng quy đổi thấp hơn tỉ lệ tối đa cho phép tại khoản 3 Điều này thì xác định chỉ tiêu theo số giảng viên thỉnh giảng thực tế đã quy đổi.

5. Đối với giảng viên tham gia giảng dạy nhiều khối ngành, thì chỉ tính vào 01 (một) khối ngành để xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

6. Mỗi giảng viên chỉ được tính quy đổi một lần ở mức quy đổi cao nhất.

Điều 6. Tiêu chí và cách tính tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh chính quy của cơ sở giáo dục

1. Tiêu chí số sinh viên chính quy tính trên một giảng viên quy đổi theo từng khối ngành của cơ sở giáo dục.

a) Sinh viên chính quy trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh gồm: sinh viên đại học theo hình thức chính quy, sinh viên cao đẳng và học sinh trung cấp các ngành đào tạo giáo viên theo hình thức chính quy, sinh viên liên thông, văn bằng hai đào tạo theo hình thức chính quy;

b) Số sinh viên đại học chính quy trên một giảng viên quy đổi theo khối ngành được xác định không vượt quá các định mức sau:

TT	Khối ngành	Số sinh viên chính quy/01 giảng viên quy đổi
1	Khối ngành I	20
2	Khối ngành II	10
3	Khối ngành III	25
4	Khối ngành IV	20
5	Khối ngành V	20
6	Khối ngành VI	15
7	Khối ngành VII	25

Số sinh viên cao đẳng, trung cấp sư phạm chính quy trên một giảng viên/giáo viên quy đổi không vượt quá 25 sinh viên chính quy;

c) Cách tính:

Lấy tổng quy mô sinh viên chính quy theo khối ngành chia cho tổng số giảng viên quy đổi của khối ngành đó.

2. Tiêu chí diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở giáo dục tính trên một sinh viên chính quy của các hạng mục công trình và yêu cầu về chủng loại, số lượng học liệu, trang thiết bị tối thiểu theo yêu cầu của chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học.

a) Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu tính trên một sinh viên chính quy không thấp hơn $2,8 \text{ m}^2$;

b) Các hạng mục được tính diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo và yêu cầu về chủng loại và số lượng tài liệu/ trang thiết bị tối thiểu của từng hạng mục như sau:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: đảm bảo có các trang thiết bị đủ để phục vụ cho các hoạt động tập thể (đối với phòng học) và đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học (bàn, ghế, thiết bị âm thanh, trình chiếu, ánh sáng và các thiết bị cần thiết khác).

- Thư viện, trung tâm học liệu: có đủ chủng loại (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo) và số lượng phòng (phòng đọc, phòng mượn, phòng tra cứu) đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học. Các loại giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo được lưu giữ dưới dạng ấn phẩm, điện tử và được kết nối mạng và liên kết khai thác, sử dụng tài liệu với các cơ sở giáo dục khác; đồng thời thường xuyên được cập nhật các tài liệu mới.

- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: có đủ về chủng loại và số lượng các trang thiết bị thực hành, thực tập, luyện tập cần thiết đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học;

c) Cách tính:

Lấy tổng diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình được xác định tại điểm b khoản này chia cho tổng quy mô sinh viên chính quy của cơ sở giáo dục.

3. Tiêu chí nhu cầu lao động của thị trường, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội: Cơ sở đào tạo xác định chỉ tiêu tuyển sinh phải căn cứ nhu cầu lao động của thị trường, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và của ngành.

Điều 7. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy

1. Cơ sở giáo dục xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy theo quy định của Thông tư này, công bố công khai và chịu trách nhiệm giải trình về chỉ tiêu tuyển sinh đã xác định, các tiêu chí xác định chỉ tiêu, chất lượng đào tạo và cam kết chuẩn đầu ra đáp ứng nhu cầu xã hội.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy hàng năm được xác định bằng tổng quy mô đào tạo chính quy xác định theo năng lực, đáp ứng đồng thời các tiêu chí quy định tại Điều 6 của Thông tư này trừ đi tổng quy mô sinh viên chính quy đang đào tạo tại trường và cộng thêm số sinh viên dự kiến sẽ tốt nghiệp trong năm tuyển sinh.

3. Đối với ngành đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 52, Luật Giáo dục đại học, có nghị quyết thông qua chủ trương xác định chỉ tiêu tuyển sinh của hội đồng trường, hội đồng quản trị thì được tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo cam kết về chất lượng của chương trình đào tạo và nhu cầu xã hội đối với ngành đó nhưng không vượt quá 120% chỉ tiêu đào tạo của năm trước liền kề; phải công bố công khai trong đề án tuyển sinh và chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội và cơ quan có thẩm quyền.

4. Cơ sở giáo dục chưa được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thì không tăng chỉ tiêu tuyển sinh so với năm trước liền kề (trừ ngành đào tạo mới được mở ngành trong năm tuyển sinh).

5. Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo liên thông đại học chính quy được xác định theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 ngày 5 tháng 2017 của Thủ tướng Chính phủ về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.

Điều 8. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng, trung cấp các ngành đào tạo giáo viên hình thức đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên

1. Các căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy:

a) Nhu cầu tuyển dụng giáo viên theo trình độ, ngành đào tạo và địa chỉ sử dụng nhân lực sau khi đào tạo của địa phương, của các tổ chức giáo dục.

b) Điều kiện đảm bảo chất lượng và năng lực các ngành đào tạo giáo viên của cơ sở giáo dục theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hình thức giáo dục thường xuyên:

Chỉ tiêu tuyển sinh hình thức giáo dục thường xuyên của mỗi trình độ đào tạo được xác định không vượt quá 30% chỉ tiêu tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy của trình độ tương ứng.

3. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các cơ sở giáo dục có ngành đào tạo giáo viên tự xác định và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành, hình thức và trình độ đào tạo cho cơ sở giáo dục có ngành đào tạo giáo viên.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định giao nhiệm vụ đào tạo đối với một số trường hợp đặc biệt.

Điều 9. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức giáo dục thường xuyên

1. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học được quy định như sau.

a) Tổng chỉ tiêu tuyển sinh đại học vừa làm vừa học bao gồm đào tạo đại học vừa làm vừa học, đào tạo đại học liên thông vừa làm vừa học, đào tạo đại học văn bằng hai vừa làm vừa học và được xác định không quá 30% tổng chỉ tiêu tuyển sinh chính quy của cơ sở giáo dục;

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo đại học liên thông vừa làm vừa học được xác định theo quy định tại Điều 5 Quyết định 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

2. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo hình thức đào tạo từ xa căn cứ theo đề án của cơ sở giáo dục. Không thực hiện hình thức đào tạo từ xa để đào tạo cấp văn bằng đối với các ngành đào tạo giáo viên.

Điều 10. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh tiến sĩ, thạc sĩ

1. Chỉ tiêu tuyển sinh tiến sĩ, thạc sĩ được xác định theo ngành đào tạo đối với các đại học, học viện, các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học có đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học).

2. Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ tối đa theo ngành của cơ sở giáo dục đại học được tính bằng quy mô đào tạo tiến sĩ tối đa theo năng lực, đáp ứng

đồng thời các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 10 của Thông tư này trừ đi quy mô đào tạo tiến sĩ hiện tại cộng thêm với số nghiên cứu sinh dự kiến sẽ tốt nghiệp trong năm tuyển sinh.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh thạc sĩ tối đa theo ngành của cơ sở giáo dục đại học được tính bằng quy mô đào tạo tối đa theo năng lực, đáp ứng đồng thời các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 10 của Thông tư này.

4. Tiêu chí xác định chỉ tiêu nghiên cứu sinh, học viên cao học tối đa trên được tính như sau:

a) Tiêu chí số lượng nghiên cứu sinh, học viên cao học tối đa trên 01 giảng viên cơ hữu.

- Đối với các đại học, học viện, các trường đại học:

Chỉ tiêu	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp		
	GS	PGS	TS
Chỉ tiêu nghiên cứu sinh tối đa trên 01 giảng viên	5	4	3
Chỉ tiêu học viên cao học tối đa trên 01 giảng viên	7	5	3

- Đối với viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ:

Chỉ tiêu	Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp		
	GS	PGS	TS
Chỉ tiêu nghiên cứu sinh tối đa trên 01 giảng viên	3	2	1

b) Tiêu chí cơ sở vật chất và thiết bị: Cơ sở giáo dục đại học xác định chỉ tiêu tuyển sinh phải đảm bảo đủ cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành, thư viện, giảng đường, phòng làm việc giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và học viên phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành và loại chương trình đào tạo.

c) Tiêu chí nhu cầu lao động của thị trường, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội: Cơ sở giáo dục đại học xác định chỉ tiêu tuyển sinh phải căn cứ nhu cầu lao động của thị trường, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và của ngành.

5. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành đào tạo giáo viên trình độ tiến sĩ, thạc sĩ được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Điều 11. Quy trình xác định và công bố chỉ tiêu tuyển sinh

1. Quy trình xác định và công bố chỉ tiêu tuyển sinh được thực hiện như sau:

a) Cơ sở giáo dục tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo các quy định tại Thông tư này.

b) Cập nhật đầy đủ và thường xuyên thông tin, số liệu chi tiết về các tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh được xác định, kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh vào phần mềm quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Công bố công khai, minh bạch các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, cơ sở dữ liệu và tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, đề án tuyển sinh, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp và các thông tin cần thiết khác của cơ sở giáo dục trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo và vào phần mềm quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Xây dựng báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh (theo mẫu tại các Phụ lục 1 của Thông tư này) và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30/01 hàng năm.

2. Đối với các ngành đào tạo giáo viên, cơ sở giáo dục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Thực hiện đúng quy trình xác định và công bố chỉ tiêu.

2. Đảm bảo tính trung thực, chính xác của số liệu báo cáo và căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và chịu trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội.

3. Cung cấp đầy đủ thông tin về xác định, thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh khi có yêu cầu xác thực thông tin, thanh tra, kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất việc xác định chỉ tiêu và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của các cơ sở giáo dục.

2. Cơ sở giáo dục vi phạm quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, về thực hiện tuyển sinh thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử phạt vi phạm

hành chính theo quy định hiện hành.

Cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 04 năm 2018;
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02 ngày 12 năm 2011 về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Thông tư số 20/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT và Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015 quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố và UBND của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phúc

Số: ~~897~~/BGDDĐT-GDDH

V/v báo cáo tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh

TS, ThS, DH, CĐSP, TCSP năm 2018.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Kính gửi:

- Các đại học, học viện, trường đại học;
- Các trường cao đẳng đào tạo giáo viên;
- Các trường trung cấp đào tạo giáo viên;
- Các trường sĩ quan đào tạo trình độ đại học;
- Các viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đại học, học viện, trường đại học, các viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ, các trường cao đẳng và trung cấp có đào tạo sư phạm (sau đây gọi chung là các cơ sở giáo dục) thực hiện báo cáo việc xác định chỉ tiêu năm 2018 theo yêu cầu cụ thể sau đây:

1. Các cơ sở giáo dục thực hiện việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học; trình độ cao đẳng và trung cấp các ngành đào tạo giáo viên năm 2018 theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018.

2. Yêu cầu các cơ sở giáo dục đăng nhập vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ hemis.moet.edu.vn/csdlqg/login để cập nhật đầy đủ số liệu theo hướng dẫn trong hệ thống bao gồm các dữ liệu chung của cơ sở giáo dục, các dữ liệu liên quan đến tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh.

3. Từ hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học, đề nghị các cơ sở giáo dục xuất báo cáo tổng hợp xác định chỉ tiêu tuyển sinh bao gồm: Báo cáo các điều kiện xác định chỉ tiêu tuyển sinh (theo mẫu tại phụ lục 1 kèm theo); Báo cáo đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh (theo mẫu tại phụ lục 2 kèm theo), ký đóng dấu gửi cùng các minh chứng về danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu theo ngành/ khối ngành, trình độ đào tạo cùng bảng lương của đội ngũ giảng viên cơ hữu tính đến thời điểm tháng 12/2017 (đối với trường công lập gửi kèm theo xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội) về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/3/2018 theo địa chỉ chuyên viên chính Hoàng Thúy Nga - Vụ Giáo dục Đại

- Đối với các ngành năng khiếu thuộc khối ngành văn hóa - nghệ thuật, điểm xét tuyển của các môn văn hóa phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu để hoàn thành chương trình phổ thông và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ GDĐT chấp thuận.

2. Thông tin phục vụ tuyển sinh hệ chính quy ĐH, CĐSP, TCSP năm 2018:

- Nội dung thông tin phục vụ tuyển sinh hệ chính quy ĐH, CĐSP, TCSP năm 2018 theo mẫu tại Phụ lục 2,3 (được tải về từ Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <http://www.moet.gov.vn>) kèm theo công văn này, yêu cầu ghi đầy đủ những thông tin cần thiết, đảm bảo chính xác, ngắn gọn, đúng cấu trúc và thống nhất với nội dung Đề án tuyển sinh riêng của trường công bố và phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã báo cáo và công bố.

- Trong thời gian 10 ngày, kể từ khi Quy chế tuyển sinh chính quy trình độ đại học; trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2018 được ban hành, yêu cầu các trường gửi Đề án tuyển sinh của trường và Thông tin phục vụ công tác tuyển sinh ĐH, CĐSP, TCSP năm 2018 về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Đại học) theo hình thức chuyển phát nhanh gửi về địa chỉ: Vụ Giáo dục Đại học - Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội; đồng thời gửi file dữ liệu (đề án gửi file word và pdf, thông tin phục vụ tuyển sinh gửi file excel) qua E-mail theo địa chỉ: htnga@moet.edu.vn.

3. Trước khi thí sinh đăng ký dự thi kỳ thi THPT quốc gia, các trường phải công bố công khai và cập nhật thông tin của Đề án tuyển sinh của Trường lên trang thông tin điện tử của Trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ thituyensinh.vn hoặc tuyensinh.moet.edu.vn.

4. Mọi vướng mắc cần trao đổi về chỉ tiêu và đề án tuyển sinh xin liên hệ trực tiếp với Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo (chuyên viên chính Hoàng Thúy Nga), điện thoại: 024.38692392; E-mail: htnga@moet.gov.vn.

Mọi thông tin cần hướng dẫn về việc đăng tải đề án tuyển sinh lên Cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo xin liên hệ với Cục Công nghệ thông tin (qua chuyên viên Nguyễn Đức Việt) điện thoại 024.38695712 (máy lẻ 202); E-mail: ducviet@moet.gov.vn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các trường thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ KHTC (để ph/h);
- Cục CNTT (để ph/h);
- Cục QLCL (để ph/h);
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu VT, Vụ GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**PHỤ LỤC 1: CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU**

(Kèm theo công văn số *17*/BGDDT-GDDH ngày *02* tháng 03 năm 2018
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Cơ quan chủ quản (nếu có)
Trường.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU**1.1. Quy mô đào tạo hệ chính quy đến ngày 31/12/2018 (Người học)**

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
1	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1.1.1	Ngành							
1.1.2	Ngành							
1.2	Thạc sĩ							
1.2.1	Ngành							
1.2.2	Ngành							
2	Đại học							
2.1	Chính quy							
2.1.1	Ngành....							
2.1.2	Ngành...							
2.2	Liên thông CQ							
2.2.1	Ngành....							
2.2.2	Ngành...							
2.3	Bảng 2 CQ							
2.3.1	Ngành....							
2.3.2	Ngành...							
3	Cao đẳng SP							
3.1	Sư phạm CQ							
3.1.1	Ngành....							
3.1.2	Ngành...							
3.2	Sư phạm LTCQ							
3.2.1	Ngành....							
3.2.2	Ngành...							
4	Trung cấp SP							
4.1	Sư phạm CQ							
4.1.1	Ngành....							
4.1.2	Ngành...							

1.2. Dự kiến người học tốt nghiệp/ hoặc không tiếp tục theo học tại trường năm 2018 (Người)

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
1	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1.1.1	Ngành (Ngành)...							
1.1.2	Ngành (Ngành)...							
1.2	Thạc sĩ							
1.2.1	Ngành (Ngành)...							
1.2.2	Ngành (Ngành)...							

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
2	Đại học							
2.1	Chính quy							
2.1.1	Ngành.....							
2.1.2	Ngành.....							
2.2	Liên thông CQ							
2.2.1	Ngành.....							
2.2.2	Ngành.....							
2.3	Bằng 2 CQ							
2.3.1	Ngành.....							
2.3.2	Ngành.....							
3	Cao đẳng SP							
3.1	Sư phạm chính quy							
3.1.1	Ngành.....							
3.1.2	Ngành.....							
3.2	Sư phạm LTCQ							
3.2.1	Ngành.....							
3.2.2	Ngành.....							
4	Trung cấp SP							
4.1	Sư phạm chính quy							
4.1.1	Ngành.....							
4.1.2	Ngành.....							

1.3. Giảng viên cơ hữu theo khối ngành đến ngày 31/12/2018 (Người)

STT	Khối ngành	GS.TS/GS.TSKH	PGS.TS/PGS.TSKH	TS/TSKH	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng
1	Khối ngành I						
	Ngành....						
	Ngành....						
2	Khối ngành II						
	Ngành....						
	Ngành....						
3	Khối ngành III						
	Ngành....						
	Ngành....						
4	Khối ngành IV						
	Ngành....						
	Ngành....						
5	Khối ngành V						
	Ngành						
	Ngành....						
6	Khối ngành VI						
	Ngành....						
	Ngành....						
7	Khối ngành VII						
	Ngành....						
	Ngành....						
	Tổng số						

1.4. Giảng viên thỉnh giảng theo khối ngành đến ngày 31/12/2018 (Người)

STT	Khối ngành	GS.TS/GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS.TSKH	Thạc sĩ	Tổng cộng
1	Khối ngành I	X	X	X	X	X
	Ngành....	X	X	X	X	X
	Ngành....	X	X	X	X	X
2	Khối ngành II					
	Ngành....					
	Ngành....					
3	Khối ngành III					
	Ngành....					
	Ngành....					
4	Khối ngành IV					
	Ngành....					
	Ngành....					
5	Khối ngành V					
	Ngành					
	Ngành....					
6	Khối ngành VI					
	Ngành....					
	Ngành....					
7	Khối ngành VII					
	Ngành....					
	Ngành....					
	Tổng số					

Ghi chú: Không điền vào ô có dấu X

1.5. Giảng viên cơ hữu các môn học chung đến ngày 31/12/2018 (Người)

GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS.TSKH	Thạc sĩ	Đại học	Tổng giảng viên quy đổi

1.6. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2018

Hạng mục	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1. Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	
2. Thư viện, trung tâm học liệu	
3. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**PHỤ LỤC 2: ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2018***(Kèm theo công văn số 377/BGDĐT-GDDH ngày 21 tháng 03 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***Cơ quan chủ quản (nếu có)****Trường.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2018**

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
1	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1.1.1	Ngành....							
1.1.2	Ngành							
1.2	Thạc sĩ							
1.2.1	Ngành....							
1.2.2	Ngành....							
2	Đại học							
2.1	Chính quy							
2.1.1	Ngành.....		X	X	X	X	X	X
2.1.2	Ngành.....		X	X	X	X	X	X
2.2	Liên thông CQ							
2.2.1	Ngành.....		X	X	X	X	X	X
2.2.2	Ngành.....		X	X	X	X	X	X
2.3	Bằng 2 CQ							
2.3.1	Ngành.....		X	X	X	X	X	X
2.3.2	Ngành.....		X	X	X	X	X	X
2.4	Liên thông VLVH							
2.5	Bằng 2 VLVH							
2.6	VLVH							
2.7	Từ xa							
3	Cao đẳng sư phạm							
3.1	Sư phạm CQ		X	X	X	X	X	X
3.1.1	Ngành...		X	X	X	X	X	X
3.1.2	Ngành...		X	X	X	X	X	X
3.2	Sư phạm LTCQ		X	X	X	X	X	X
3.2.1	Ngành...		X	X	X	X	X	X
3.2.2	Ngành...		X	X	X	X	X	X
3.3	Sư phạm LT VLVH							
3.4	Sư phạm VLVH							
4.	Trung cấp							
4.1	Sư phạm chính quy		X	X	X	X	X	X
4.2	Sư phạm VLVH							

Ghi chú: Không điền vào ô có dấu X**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký tên, đóng dấu)

Số: 32/2015/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ
QUY ĐỊNH VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2016.

Các quy định đối với các đại học, học viện, trường đại học, viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo tiến sĩ tại Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp và Thông tư số 20/2012/TT-BGDĐT ngày 12/6/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Viện trưởng các viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- UB VHGD-TNTN&NĐ của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia giáo dục;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- Bộ Tư pháp (Cục Ktr VBQPPL);
- Như Điều 3;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

Phạm Vũ Luận

QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI
HỌC

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Mục tiêu chung	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Số lượng giảng viên quy đổi theo khối ngành	3
Điều 5. Tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh tối đa của cơ sở giáo dục đại học	3
Điều 6. Nguyên tắc xác định chỉ tiêu tuyển sinh tối đa	4
Điều 7. Chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục thường xuyên tối đa	5
Điều 8. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ tối đa	5
Điều 9. Quy trình đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh	6
Điều 10. Thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm	6
Điều 11. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học	6
PHỤ LỤC 1. CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU	6
PHỤ LỤC 2. ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM	8
PHỤ LỤC 3. BẢNG KHỐI NGÀNH ĐÀO TẠO	9

Nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với đại học, học viện, trường đại học, viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học), bao gồm: tiêu chí, nguyên tắc xác định chỉ tiêu tuyển sinh; quy trình đăng ký, xử lý vi phạm.
2. Văn bản này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục tiêu chung

1. Thúc đẩy các cơ sở giáo dục đại học tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.
2. Giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục đại học trong việc xác định và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.
3. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc xác định và thông báo chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.
4. Cân đối quy mô đào tạo giữa các ngành nghề phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Khối ngành.

Khối ngành là tập hợp một hoặc một số lĩnh vực giáo dục, đào tạo cấp 2 được quy định tại Quyết định số 38/2009/QĐ-TTg ngày 09/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân. Việc phân chia 7 khối ngành được thể hiện tại Phụ lục số 3 của Quy định này.

2. Giảng viên cơ hữu.

a) Giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học công lập là viên chức được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức.

b) Giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học tư thục là người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn 36 tháng hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo Bộ luật Lao động, không là công chức hoặc viên chức nhà nước, không đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; do nhà trường trả lương và chi trả các khoản khác thuộc chế độ, chính sách đối với người lao động theo các quy định hiện hành.

3. Giảng viên quy đổi.

Giảng viên quy đổi theo trình độ của cơ sở giáo dục đại học là số lượng giảng viên có chức danh hoặc trình độ khác nhau của cơ sở được quy đổi theo hệ số như sau:

Trình độ	Hệ số
- Giảng viên có trình độ đại học	0,5
- Giảng viên có trình độ thạc sĩ	1
- Giảng viên có trình độ tiến sĩ	2
- Giảng viên có chức danh phó giáo sư	5
- Giảng viên có chức danh giáo sư	5

Điều 4. Số lượng giảng viên quy đổi theo khối ngành

1. Số lượng giảng viên quy đổi theo khối ngành được xác định theo công thức:

$$GV_i = GV_{ni} + GV_{mc} \times \frac{GV_{ni}}{GV_n}$$

Trong đó:

- GV_i là tổng số giảng viên quy đổi của khối ngành i ;
- GV_{ni} là số lượng giảng viên ngành của khối ngành i quy đổi theo trình độ;
- GV_{mc} là số lượng giảng viên các môn chung của cơ sở giáo dục đại học quy đổi theo trình độ;
- GV_n là tổng số giảng viên ngành của tất cả các khối ngành quy đổi theo trình độ của cơ sở giáo dục đại học.

Ví dụ:

Trường A đào tạo 2 khối ngành là khối ngành V và khối ngành VII. Trường có 120 giảng viên quy đổi theo trình độ, trong đó có 20 giảng viên chung và 100 giảng viên giảng dạy khối ngành. Trong 100 giảng viên khối ngành có 80 giảng viên của khối ngành VII (tương ứng là 80% tổng giảng viên khối ngành) và 20 giảng viên của khối ngành V (tương ứng 20% giảng viên khối ngành).

Khi đó khối ngành VII sẽ được phân bổ 80% số giảng viên các môn chung (tương ứng là 16 giảng viên). Do đó số giảng viên để xác định chỉ tiêu tuyển sinh của khối ngành VII sẽ là 96.

Khối ngành V sẽ được phân bổ 20% số giảng viên các môn chung (tương ứng là 04 giảng viên). Do đó tổng số giảng viên để xác định chỉ tiêu tuyển sinh của khối ngành V sẽ là 24.

2. Đối với giảng viên tham gia giảng nhiều khối ngành thì chỉ tính vào 1 khối ngành để xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

3. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh được tính trên cơ sở số giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 5. Tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh tối đa của cơ sở giáo dục đại học

1. Tiêu chí 1: Số sinh viên đại học, cao đẳng, trung cấp hệ chính quy bao gồm: sinh viên đại học, cao đẳng, trung cấp chính quy; sinh viên liên thông, văn bằng hai đào tạo theo hình thức chính quy (sau đây gọi là sinh viên chính quy) tính trên 1 giảng viên quy đổi theo khối ngành của cơ sở giáo dục đại học.

a) Số sinh viên chính quy tính trên 1 giảng viên quy đổi theo khối ngành được xác định không vượt quá các định mức như sau:

TT	Khối ngành	Số sinh viên chính quy/ 01 giảng viên quy đổi
1	Khối ngành I	25
2	Khối ngành II	10
3	Khối ngành III	25
4	Khối ngành IV	20
5	Khối ngành V	20

6	Khối ngành VI	15
7	Khối ngành VII	25

b) Cách tính tiêu chí 1:

Lấy tổng quy mô sinh viên chính quy theo khối ngành của cơ sở giáo dục đại học chia cho tổng số giảng viên quy đổi của khối ngành đó.

c) Nếu số sinh viên chính quy tính trên 1 giảng viên quy đổi theo khối ngành vượt quy định tại điểm a Khoản này thì chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của khối ngành được xác định không quá $1/4$ quy mô năng lực đào tạo tối đa của khối ngành đó.

2. Tiêu chí 2: Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở giáo dục đại học tính trên 1 sinh viên chính quy.

a) Tiêu chí này không thấp hơn $2,5 \text{ m}^2$.

b) Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo gồm các hạng mục:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại;
- Thư viện, trung tâm học liệu;
- Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng.

c) Cách tính tiêu chí 2.

Lấy tổng diện tích ba hạng mục xây dựng được xác định tại điểm b khoản này chia cho tổng quy mô sinh viên chính quy của cơ sở giáo dục đại học.

3. Tiêu chí 3: Quy mô sinh viên chính quy tối đa của cơ sở giáo dục đại học.

a) Quy mô sinh viên chính quy tối đa được quy định như sau:

- Không quá 8.000 sinh viên đối với các cơ sở giáo dục đại học thuộc khối ngành VI;
- Không quá 5.000 sinh viên đối với các cơ sở giáo dục đại học thuộc khối ngành II;
- Không quá 15.000 sinh viên đối với các cơ sở giáo dục đại học thuộc khối ngành I, III, IV, V, và VII.

b) Đối với Đại học Quốc gia và Đại học vùng, quy mô sinh viên chính quy tối đa được xác định theo các trường thành viên.

c) Những trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét và quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 6. Nguyên tắc xác định chỉ tiêu tuyển sinh tối đa

1. Các cơ sở giáo dục đại học xác định chỉ tiêu tuyển sinh sinh viên chính quy hàng năm phải thỏa mãn đồng thời cả 03 tiêu chí quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Tiêu chí 1 được xác định cho từng khối ngành; tiêu chí 2 và 3 được xác định chung cho toàn cơ sở giáo dục đại học.

3. Cơ sở giáo dục đại học không được đào tạo cao đẳng, trung cấp trừ các cơ sở giáo dục đại học thuộc khối ngành II và các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Tỉnh hoặc Thành phố trực thuộc Trung ương không có cơ sở đào tạo cao đẳng, trung cấp khối ngành I.

4. Cơ sở giáo dục đại học đang đào tạo cao đẳng mỗi năm phải giảm chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo cao đẳng ít nhất 30% so với chỉ tiêu năm 2015 để dừng tuyển sinh đào tạo trình độ này trước năm 2020.

5. Cơ sở giáo dục đại học đang đào tạo trung cấp phải dừng tuyển sinh đào tạo trình độ này trước năm 2017.

6. Chỉ tiêu tuyển sinh liên thông chính quy được xác định không quá 15% chỉ tiêu chính quy đối với khối ngành VI; không quá 20% chỉ tiêu chính quy đối với các khối ngành khác.

Điều 7. Chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục thường xuyên tối đa

1. Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học.

a) Tổng chỉ tiêu tuyển sinh vừa làm vừa học; liên thông đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học; văn bằng hai đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học được xác định không quá 30% tổng chỉ tiêu tuyển sinh sinh viên chính quy đã xác định của cơ sở giáo dục đại học.

b) Việc giao nhiệm vụ đào tạo để nâng chuẩn giáo viên, nâng cao trình độ cán bộ y tế, đào tạo trong lĩnh vực nghệ thuật, nông lâm thủy sản và một số trường hợp đặc biệt khác sẽ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh theo hình thức học từ xa: Được xem xét căn cứ theo đề án của cơ sở giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đại học không đào tạo từ xa đối với khối ngành I.

Điều 8. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ tối đa

1. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ:

Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ tối đa hàng năm của cơ sở giáo dục đại học được phép đào tạo tiến sĩ được tính theo công thức:

$$CT_{ts.max} = Q_{ts.max} - (Q_{ts.hc} - Q_{ts.tn})$$

Trong đó:

- $CT_{ts.max}$ là chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ tối đa hàng năm
- $Q_{ts.max}$ là quy mô đào tạo tiến sĩ tối đa
- $Q_{ts.hc}$ là quy mô đào tạo tiến sĩ hiện có
- $Q_{ts.tn}$ là số nghiên cứu sinh tốt nghiệp trong năm

Quy mô đào tạo tiến sĩ tối đa của cơ sở giáo dục đại học được xác định theo công thức:

$$Q_{ts.max} = 3 \times GV_{ts} + 4 \times GV_{pgs} + 5 \times GV_{gs}$$

Trong đó:

- GV_{ts} là số lượng giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ
- GV_{pgs} là số lượng giảng viên cơ hữu có chức danh phó giáo sư
- GV_{gs} là số lượng giảng viên cơ hữu có chức danh giáo sư

2. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo thạc sĩ:

Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo thạc sĩ tối đa hàng năm của cơ sở giáo dục đại học được phép đào tạo thạc sĩ được xác định theo công thức:

$$CT_{ths.max} = 3 \times GV_{ts} + 5 \times GV_{pgs} + 7 \times GV_{gs}$$

Trong đó:

- $CT_{ths.max}$ là chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo thạc sĩ tối đa hàng năm
- GV_{ts} là số lượng giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ
- GV_{pgs} là số lượng giảng viên cơ hữu có chức danh phó giáo sư
- GV_{gs} là số lượng giảng viên cơ hữu có chức danh giáo sư

3. Cơ sở giáo dục đại học xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ trên cơ sở giảng viên cơ hữu theo khối ngành quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

Điều 9. Quy trình đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh

1. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các cơ sở giáo dục đại học tự xác định và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ sở giáo dục đại học có đào tạo khối ngành I, khi đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo, phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý trực tiếp về chỉ tiêu tuyển sinh khối ngành này.

3. Việc xác định và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh, của các cơ sở giáo dục đại học được quy định

theo năm lịch.

4. Số liệu sử dụng để xác định chỉ tiêu tuyển sinh là số liệu của cơ sở giáo dục đại học tại thời điểm ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Cơ sở giáo dục đại học đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm sau theo Phụ lục 1, 2 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Kế hoạch-Tài chính) trước 15 tháng 01 hàng năm.

6. Sau khi nhận được đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho từng cơ sở trước 28 tháng 02 hàng năm.

Điều 10. Thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm

1. Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức kiểm tra, thanh tra việc xác định chỉ tiêu và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của các cơ sở giáo dục đại học.

2. Các cơ sở giáo dục đại học vi phạm quy định về tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh ở nhiều khối ngành, vi phạm nhiều tiêu chí, có hành vi tái phạm, sẽ bị xem xét tước quyền tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh hoặc đình chỉ tuyển sinh.

3. Các cơ sở giáo dục đại học thực hiện tuyển sinh vượt so với chỉ tiêu Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thông báo thì số lượng chỉ tiêu tuyển vượt sẽ bị khấu trừ vào chỉ tiêu tuyển sinh năm sau của trường và nhà trường sẽ bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Việc xử lý kỷ luật cá nhân trong thực hiện tuyển sinh vượt so với chỉ tiêu đã thông báo được thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành.

4. Việc xác định và xử lý hành vi vi phạm các quy định về tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh và tuyển sinh vượt chỉ tiêu được thực hiện theo từng khối ngành và chung cho toàn cơ sở giáo dục đại học.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học

1. Đảm bảo tính trung thực, chính xác của các số liệu về giảng viên, về cơ sở vật chất trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.

2. Cung cấp đầy đủ thông tin khi có yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác minh chỉ tiêu tuyển sinh đã đăng ký.

3. Báo cáo kết quả tuyển sinh năm trước và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm sau đúng thời gian quy định./.

Cơ quan chủ quản (nếu có)
Trường.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU

(Kèm theo Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1.1. Quy mô đào tạo hệ chính quy đến ngày 31/12/... (sinh viên, học sinh).

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
1	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1.2	Thạc sĩ							

2	Đại học							
2.1	Chính quy							
2.2	Liên thông CQ							
2.3	Bằng 2 CQ							
3	Cao đẳng							
3.1	Chính quy							
3.2	Liên thông CQ							
4	Trung cấp							
4.1	Chính quy							

1.2. Dự kiến sinh viên tốt nghiệp năm(sinh viên, học sinh).

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
1	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1.2	Thạc sĩ							
2	Đại học							
2.1	Chính quy							
2.2	Liên thông CQ							
2.3	Bằng 2 CQ							
3	Cao đẳng							
3.1	Chính quy							
3.2	Liên thông CQ							
4	Trung cấp							
4.1	Chính quy							

1.3. Giảng viên cơ hữu theo khối ngành đến ngày 31/12/... (Người)

STT	Khối ngành	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII					
	Tổng số					

1.4. Giảng viên cơ hữu các môn học chung đến ngày 31/12/....(Người)

Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Tổng giảng viên quy đổi

1.5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/....

Hạng mục	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1. Hội trường, giảng đường, phòng học các loại	
2. Thư viện, trung tâm học liệu	
3. Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan chủ quản (nếu có)
Trường.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM

(Kèm theo Thông tư số: 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
1	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1.2	Thạc sĩ							
2	Đại học							
2.1	Chính quy							
2.2	Liên thông CQ							
2.3	Bằng 2 CQ							
2.4	Liên thông VLVH							
2.5	Bằng 2 VLVH							
2.6	VLVH							
2.7	Từ xa							
3	Cao đẳng							
3.1	Chính quy							
3.2	Liên thông CQ							
3.3	Liên thông VLVH							
3.4	VLVH							
4	Trung cấp							
4.1	Chính quy							
4.2	VLVH							

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

BẢNG KHỐI NGÀNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông tư số: 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Khối ngành	Mã lĩnh vực cấp 2	Tên lĩnh vực
I	4214	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
	5114	
	5214	
	6014	
	6214	
II	4221	Nghệ thuật
	5121	
	5221	
	6021	
	6221	
III	4234	Kinh doanh và quản lý
	5134	
	5234	
	6034	
	6234	
	4238	Pháp luật
	5138	
	5238	
	6038	
	6238	
IV	4242	Khoa học sự sống
	5142	
	5242	
	6042	
	6242	
	4244	Khoa học tự nhiên
	5144	
	5244	
	6044	
	6244	
V	4246	Toán và thống kê

	5146	
	5246	
	6046	
	6246	
	4248	Máy tính và công nghệ thông tin
	5148	
	5248	
	6048	
	6248	
	4251	Công nghệ kỹ thuật
	5151	
	5251	
	6051	
	6251	
	4252	Kỹ thuật
	5152	
	5252	
	6052	
	6252	
	4254	Sản xuất và chế biến
	5154	
	5254	
	6054	
	6254	
	4258	Kiến trúc và xây dựng
	5158	
	5258	
	6058	
	6258	
	4262	Nông lâm và thủy sản
	5162	
	5262	
	6062	
	6262	
	4264	Thú y
	5164	
	5264	
	6064	
	6264	

VI	4272	Sức khỏe
	5172	
	5272	
	6072	
	6272	
VII	4222	Nhân văn
	5122	
	5222	
	6022	
	6222	
	4231	Khoa học xã hội và hành vi
	5131	
	5231	
	6031	
	6231	
	4232	Báo chí và thông tin
	5132	
	5232	
	6032	
	6232	
	4276	Dịch vụ xã hội
	5176	
	5276	
	6076	
	6276	
	4281	Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân
	5181	
	5281	
	6081	
	6281	
	4284	Dịch vụ vận tải
	5184	
	5284	
	6084	
	6284	
	4285	Môi trường và bảo vệ môi trường
	5185	
	5285	
	6085	

	6285	
	4286	<i>An ninh, quốc phòng</i>
	5186	
	5286	
	6086	
	6286	